

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện**  
**dự toán ngân sách huyện Quý II năm 2018**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 cho các huyện, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 22/12/2017 của Hội đồng nhân dân huyện Thuận Nam về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 120/TTr-PTCKH ngày 11/7/2018 về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý II năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện Quý II năm 2018 của huyện Thuận Nam (theo các biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. *✓*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy;
- Văn phòng HĐND-UBND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



*Lê Huyền*  
**Lê Huyền**





**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-UBND ngày 20 / 7 /2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>27.300</b>	<b>15.370,8</b>	<b>56%</b>	<b>292%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>27.260</b>	<b>15.370,8</b>	<b>56%</b>	<b>292%</b>
1	Thu nội địa	27.260	15.370,8	56%	292%
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>III</b>	<b>Thu quản lý qua ngân sách</b>	<b>40</b>			
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>163.873</b>	<b>100.191,6</b>	<b>61%</b>	<b>279%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>157.138</b>	<b>100.191,6</b>	<b>64%</b>	<b>290%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.000	25.260,4		607%
2	Chi thường xuyên	151.021	74.931,2		247%
3	Dự phòng ngân sách	3.117			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>6.695</b>		<b>0%</b>	<b>0%</b>
<b>III</b>	<b>Chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách</b>	<b>40</b>			



**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2018**  
(Kèm theo Quyết định số 268 /QĐ-UBND ngày 20 / 7 /2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>27.300</b>	<b>15.370,8</b>	<b>56%</b>	<b>292%</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>27.300</b>	<b>15.370,8</b>	<b>56%</b>	<b>292%</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	400		0%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	9.600	5.930,0	62%	354%
4	Thuế thu nhập cá nhân	2.400	1.572,6	66%	267%
5	Thuế bảo vệ môi trường		-		
6	Lệ phí trước bạ	5.300	3.077,6	58%	268%
7	Thu phí, lệ phí	1.500	471,4	31%	85%
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.400	3971,1	74%	141%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		67,8		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0,636		
-	Thu tiền sử dụng đất	3.000	1.703,9	57%	110%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	2.400	2.198,8	92%	406%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
10	Thu khác ngân sách	2.500	318,6	13%	
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	40	29,5	74%	
12	Các khoản thu tại xã	160			
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>25.660</b>	<b>15.370,8</b>	<b>60%</b>	<b>356%</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	12.950	7.502,6	58%	355%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	12.710	7.868,2	62%	356%

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ II NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 258 /QĐ-UBND ngày 20 / 7 /2018 của Ủy ban nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3 = 2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>163.873</b>	<b>100.191,6</b>	<b>61%</b>	<b>243%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>157.138</b>	<b>100.191,6</b>	<b>64%</b>	<b>290%</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.000</b>	<b>25.260,4</b>	842%	
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư cho các dự án</b>	3.000	25.260,4	842%	602%
<b>2</b>	<b>Chi đầu tư phát triển khác</b>				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>151.021</b>	<b>74.931,2</b>	<b>50%</b>	<b>247%</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	5.309	4.085,4	77%	159%
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	88.033	41.748,8	47%	210%
3	Chi y tế, dân số và gia đình		116,7		
4	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	849	436,3	51%	170%
5	Chi Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình	503	447,8	89%	400%
6	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	356	161,5	45%	148%
7	Chi đảm bảo xã hội	9.184	7.402,5	81%	254%
8	Chi khoa học công nghệ				
9	Chi quản lý hành chính	42.270	19.194,5	45%	204%
a	Chi quản lý nhà nước	32.205		0%	
b	Chi quản lý cơ quan đảng	5.091		0%	
c	Chi quản lý Tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể	2.488		0%	
d	Chi thực hiện nhiệm vụ khác	2.486		0%	
9	Chi an ninh - quốc phòng	1.435		0%	
a	Quốc phòng	1.091	3.068,4	281%	